TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 3 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 3 · Đề số 19

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Số 814 đọc là:

A. Tám trăm mười bốn **B.** Tám trăm hai mươi tư

C. Tám trăm bốn mươi mốt **D.** Bốn trăm mười tám

Câu 2. *(0,5 điểm)* Trong số 986, chữ số 9 có giá trị là:

A. 900 **B.** 986 **C.** 9 **D.** 90

Câu 3. *(0,5 điểm)* Kết quả của phép chia 18 : 2 là:

A. 16 **B.** 8 **C.** 10 **D.** 9

Câu 4. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 30 : ……. = 6

A. 5 **B.** 11 **C.** 2 **D.** 25

Câu 5. *(0,5 điểm)* Gấp 24 lên 8 lần được:

A. 216 **B.** 192 **C.** 200 **D.** 32

Câu 6. *(0,5 điểm)* Một phần ba (1/3) của 27 cái kẹo là:

A. 81 cái kẹo **B.** 24 cái kẹo **C.** 11 cái kẹo **D.** 9 cái kẹo

Câu 7. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 9 dm 7 cm = ……. cm

A. 79 **B.** 16 **C.** 907 **D.** 97

Câu 8. *(0,5 điểm)* I là trung điểm của đoạn thẳng CD. Biết CD = 26 m, độ dài đoạn CI là:

A. 52 m **B.** 26 m **C.** 24 m **D.** 13 m

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Tính giá trị của biểu thức:

a) 387 + 31 × 5 = …….

b) 90 − 54 : 6 = …….

c) (70 + 20) × 2 = …….

Câu 10. *(1 điểm)* Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) 8 m = 800 cm	
b) 8 × 3 = 22	
c) 75 : 9 = 8 (dư 3)	
d) 1/7 của 21 là 14	

Câu 11. *(1 điểm)* Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 6 × 7 ……. 41

b) 1 kg ……. 999 g

c) 6 m 5 cm ……. 614 cm

d) 1/2 của 14 ……. 1/4 của 36

Câu 12. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Gấp 16 lên 8 lần: …….

b) Giảm 24 đi 8 lần: …….

c) 34 thêm 7 đơn vị: …….

d) Gấp 34 lên 7 lần: …….

Câu 13. *(1 điểm)* Đếm hình:



a) Hình bên có ……. hình chữ nhật.

Câu 14. *(1 điểm)* Một cửa hàng buổi sáng bán được 430 kg gạo, buổi chiều bán được ít hơn buổi sáng 79 kg. Hỏi cả ngày cửa hàng bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

a) Buổi chiều bán được: ……. kg

b) Cả ngày bán được: ……. kg

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 3 · Đề số 19

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	A	D	A	B	D	D	D

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) 387 + 31 × 5 = 387 + 155 = 542

b) 90 − 54 : 6 = 90 − 9 = 81

c) (70 + 20) × 2 = 90 × 2 = 180

Câu 10.

a) Đ; b) S; c) Đ; d) S

Câu 11.

a) 6 × 7 = 42 nên điền dấu «>»

b) 1 kg = 1000 g nên điền dấu «>»

c) 6 m 5 cm = 605 cm nên điền dấu «<»

d) 1/2 của 14 là 7; 1/4 của 36 là 9 nên điền dấu «<»

Câu 12.

a) 16 × 8 = 128

b) 24 : 8 = 3

c) 34 + 7 = 41

d) 34 × 7 = 238

Thêm một số đơn vị thì cộng, gấp lên nhiều lần thì nhân, giảm đi nhiều lần thì chia.

Câu 13.

Có 4 hình đơn, 3 hình ghép 2, 2 hình ghép 3 và 1 hình lớn: 10 hình chữ nhật.

Câu 14.

Buổi chiều: 430 − 79 = 351 (kg)

Cả ngày: 430 + 351 = 781 (kg)